

CHUYỂN ĐỔI SỐ

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

TS. TRẦN THỊ PHÚC AN, ThS. BÙI THỊ THÙY DƯƠNG
Trường Đại học Mở - Địa chất

Từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, giáo dục đại học Việt Nam đã nhiều lần bị gián đoạn do thực hiện giãn cách xã hội. Vì vậy, các trường đại học cần có những biện pháp cần thiết và phương án lâu dài để khắc phục những hạn chế do dịch bệnh hoặc trong những hoàn cảnh đặc thù khác. Một trong những giải pháp hiệu quả nhất nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn là tích cực thực hiện quá trình chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số trong giáo dục có thể hiểu là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học; đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường học tập thuận tiện nhất cho người học. Về bản chất, chuyển đổi số không thay đổi giá trị cốt lõi hay mô hình của một tổ chức giáo dục mà là sự chuyển đổi hoạt động cốt lõi thông qua công nghệ và nền tảng số, đồng thời nắm bắt các cơ hội mà chúng mang lại. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ xác định nhiệm vụ của Ngành Giáo dục và Đào tạo là: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ

tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”. Để thực hiện nhiệm vụ đó, ngày 30-12-2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT “Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo”, trong đó ghi rõ: “Cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin quản lý về giáo dục và đào tạo (gồm dữ liệu về trường học, dữ liệu về lớp học, dữ liệu về cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, giảng viên và nhân viên, dữ liệu về người học, dữ liệu về chương trình giáo dục, dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các dữ liệu liên quan khác) do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý”.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học tập trung vào hai nội dung chính: Chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra và đánh giá.

Một là, chuyển đổi số trong công tác quản lý, hành chính. Đây là quá trình số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu

lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

Hai là, *chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra và đánh giá*. Đây là quá trình số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học - tất yếu khách quan trong bối cảnh đại dịch COVID-19

Kể từ khi xuất hiện (tháng 12-2019) đến nay, đại dịch COVID-19 đã có những diễn biến rất phức tạp với sự xuất hiện của nhiều chủng mới và tốc độ lây lan nhanh. Dịch bệnh đã ảnh hưởng lớn đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Chính phủ đã nhiều lần phải ban hành chỉ thị yêu cầu các địa phương thực hiện các đợt giãn cách xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố hoặc thậm chí trên quy mô toàn quốc. Trong bối cảnh đó, nhằm phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh COVID-19; vừa duy trì chất lượng dạy và học để hoàn thành chương trình đúng tiến độ, bảo đảm việc học tập của sinh viên, nhiều trường học đại học đã áp dụng việc dạy học bằng hình thức trực tuyến (online) nhằm giảm bớt việc tập trung đông người, hạn chế dịch bệnh lây lan trong cộng đồng. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có gần 20 triệu học sinh, sinh viên và hơn 1 triệu giáo viên, giảng viên trong cả nước không được tới trường trong một thời gian dài. Hàng nghìn giáo viên đang công tác tại các trường ngoài công lập không có lương, cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Hơn 70.000 sinh viên không thể ra

trường đúng hạn, làm ảnh hưởng tới việc cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục Việt Nam xuất hiện một thể hệ học sinh, sinh viên học tập trên nền tảng số một cách phổ biến và thông dụng.

Chính những xáo trộn môi trường xã hội trong nước và quốc tế do COVID-19 gây ra đang tạo nên thách thức và cơ hội mới cho giáo dục. Đa số các cơ sở giáo dục đại học đang dần dịch chuyển từ thể bị động sang thể chủ động và được nâng cao nhận thức về đào tạo trực tuyến, tái cấu trúc đội ngũ cán bộ, giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đây là cơ hội để giáo dục đại học tăng cường hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp ICT quốc gia, đa quốc gia và cũng là cơ hội để Ngành Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh chuyển đổi số, là tiền đề cho nhiều lĩnh vực khác, tác động lớn đối với sự phát triển đất nước cả trước mắt và lâu dài. Đồng thời, đại dịch cũng chính là cú hích để các cơ sở giáo dục đại học thay đổi tư duy quản lý, phát huy sự sáng tạo của mỗi cá nhân, gia đình, nhà trường và toàn Ngành để tăng khả năng thích ứng với hoàn cảnh.

Nhiều giải pháp đồng bộ

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chú trọng các giải pháp cơ bản sau:

Một là, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ động thích ứng, đổi mới nhận thức, làm tốt công tác tuyên truyền. Nhận thức, tư duy chỉ huy hành vi của con người, bởi vậy muốn thực hiện chuyển đổi số thành công, trước hết phải làm tốt công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, học viên, sinh viên và phụ huynh để thống nhất quan điểm chuyển đổi số là xu thế tất yếu. Do đó, sinh viên cần chủ động tương tác với nguồn học liệu mở; giảng viên cần thay đổi quan điểm về mục tiêu đầu ra (không phải ghi nhớ, học thuộc mà là khả năng phân tích, đánh giá và

sáng tạo); xây dựng văn hoá chính trực, liêm chính trong giáo dục. Để vận hành một hệ thống như vậy đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, khoa, trung tâm và đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở giáo dục đại học cần có những giải pháp cụ thể để nắm bắt không gian ảo, khai thác hiệu quả công nghệ cho mục đích này, trang bị hiểu biết và tư duy số để có thể làm chủ công nghệ, hiểu rõ giới hạn của công nghệ, từ đó áp dụng công nghệ vào quá trình quản lý, quản trị nhà trường.

Hai là, đảng ủy, ban giám hiệu, hội đồng trường của các cơ sở giáo dục đại học cần hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số. Đó là: Các chính sách liên quan đến học liệu (sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả); các quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, giảng dạy; quy định về quản lý, vận hành sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu của nhà trường. Quy định về quyền tác giả cho các bài giảng điện tử; quy định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số (ai được quyền khai thác, khai thác gì, mức độ đến đâu, điều kiện gì, ai thẩm định, ai cho phép). Chất lượng của việc dạy và học trên môi trường mạng. Bảo vệ thông tin cá nhân. Kiểm định chất lượng, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong đánh giá người học... Xây dựng hệ thống quản lý học tập và quản lý nội dung học tập trực tuyến; tạo hành lang pháp lý về an toàn thông tin, các chính sách hướng đến đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực số. Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, an ninh, các lỗ hổng bảo mật của hệ thống phần mềm và dữ liệu, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời. Có các chính sách cụ thể nhằm phát triển hệ sinh thái giáo dục bằng cách liên kết chặt chẽ với các nhà doanh nghiệp, các nhà quản lý để tạo điều kiện cho việc đổi mới, sáng tạo, không ngừng gia tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động trong nền kinh tế tri thức.

Ba là, hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ và thiết bị công nghệ thông tin để thiết thực phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác dạy - học; xây dựng và củng cố hệ thống tài liệu tham khảo, giáo trình của các môn học bằng hình thức số hóa trên nền tảng thư viện số nhằm cung cấp đầy đủ tài liệu cho sinh viên trong quá trình học tập. Chủ động xây dựng hệ thống phần mềm - nền tảng hiệu quả, giúp sinh viên tương tác, học tập tốt hơn trong quá trình học online... Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, bảo đảm kết nối, khai thác phục vụ, xử lý thông tin theo yêu cầu quản lý, quản trị. Thành lập các phòng thí nghiệm tương tác công nghệ với đầy đủ trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cần thiết. Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng; có khả năng tự sàng lọc, phát hiện mã độc tấn công, bảo vệ ở mức căn bản quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật dữ liệu, bảo đảm cơ chế sao lưu, phục hồi máy chủ, máy trạm, các thiết bị đầu cuối liên quan.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp tham gia quá trình chuyển đổi số bằng cách tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục, nhân viên, người học về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học, bảo đảm quản lý và làm việc hiệu quả trong môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Chuyển đổi số không chỉ là số hóa bài giảng hay ứng dụng các phần mềm vào việc soạn bài, mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng của sinh viên; chuyển đổi kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số; khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công. Do vậy, cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên như: Giảng dạy với

công nghệ, giảng dạy theo mô hình hỗn hợp, tập huấn sử dụng công cụ và nền tảng số... Các khóa tập huấn cần đáp ứng riêng cho từng đối tượng, độ tuổi, cấp độ, nhóm tư duy vì trình độ công nghệ thông tin và khả năng tiếp cận thông tin của các giảng viên ở mỗi khoa, mỗi trường là khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên cần được chuẩn bị về tâm thế, tinh thần và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để có thể khai thác được nguồn học liệu số cũng như các thông tin có liên quan trên các phần mềm hỗ trợ công tác đào tạo.

Chuyên đổi số là một trong những khâu có tính đột phá, tạo ra những thay đổi quan trọng trong Ngành Giáo dục và Đào tạo. Sự thay đổi không nằm ở đối tượng tham gia vào quá trình giáo dục hay các bên liên quan mà nằm ở phương thức thực hiện giáo dục, ở tư duy quản lý giáo dục. Sự thay đổi về phương thức tất yếu dẫn tới những thay đổi về phương pháp, cách thức, kỹ thuật giảng dạy, đào tạo để hình thành nên những năng lực, kỹ năng mới và sự trải nghiệm của người học nhằm hướng đến một nền giáo dục có chất lượng □

BÀN VỀ “DỤNG NHÂN”...

(Tiếp theo trang 38)

liệt...”. Tức là, nếu bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc, sẽ tạo điều kiện cho cán bộ phát huy tốt năng lực, động viên cán bộ cống hiến sức lực, tài trí, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bố trí, sử dụng cán bộ không đúng, không chính xác có thể làm giảm sút động lực phấn đấu của cán bộ, gây ra sự trì trệ, ảnh hưởng đến công việc chung của tập thể.

Chia sẻ về tư tưởng dùng người của Bác, đồng chí Nguyễn Túc, Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn về văn hóa - xã hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhắc lại, vào thời điểm đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Cách mạng Tháng Tám vừa mới thành công nhưng chúng ta lại có đội ngũ cán bộ là những con người có trí tuệ bậc nhất trong khi 95% nhân dân mù chữ. Bác Hồ thấy “mỗi người dân là một người yêu nước, mặt trận là sự tập hợp và nhân lên gấp bội tinh thần yêu nước”. Vì thế, Bác nhìn nhận đất nước có nhiều người tài, cần biết đánh giá và sử dụng đúng. Chẳng hạn, ông Phan Anh (Bộ trưởng Thanh niên của Chính phủ Trần Trọng Kim), sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công đã được Bác Hồ lựa chọn làm Chủ tịch Ủy ban Kiến thiết quốc gia đầu tiên của Việt Nam. Tư tưởng của Hồ Chí

Minh về chọn cán bộ, tư duy tìm người tài phải là trong toàn dân tộc chứ không chỉ trong cán bộ, đảng viên cần được quán triệt trong các cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và từng cán bộ, đảng viên.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm: “Chúng ta chỉ là cái men. Nên được rượu là nhờ cơm nếp. Phải có đông đảo quần chúng tham gia mới thành cách mạng. Nhân sĩ, trí thức là thứ men tốt, cần phải kéo về mình”. Khẳng định kiến thiết cần phải có nhân tài, nhân tài trong nhân dân, Bác Hồ kêu gọi chính quyền các địa phương ngay lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước, lợi dân phải báo cáo ngay cho Chính phủ. Bởi vậy, điều quan trọng nhất vẫn là tư duy nhìn nhận người tài của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Thực tế Việt Nam là quốc gia được đánh giá có nhiều người thông minh, tài giỏi, nổi danh khắp năm châu. Hằng năm, chúng ta đoạt nhiều giải thưởng Ô-lim-pic các bộ môn khoa học quốc tế. Chúng ta cũng tổ chức tuyên dương hàng trăm thủ khoa các trường đại học, cao đẳng mỗi năm. Nhưng hiện nay các cơ quan nhà nước chưa thực sự hấp dẫn đối với nhiều người tài để thu hút họ vào làm việc. Điều này khiến chúng ta phải làm rõ nguyên nhân và có giải pháp đúng □